

Số: 23 /2016/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 29 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về phối hợp, phân cấp quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17/6/2014;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 05/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-GP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 395/TTr-SGTVT ngày 18 tháng 7 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phối hợp, phân cấp quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Công báo - Tin học;
- Lưu: VT (Thang-001).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Như Nguyễn

QUY ĐỊNH

Về phối hợp, phân cấp quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29 /2016/QĐ-UBND
ngày 29 / 9 /2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định về việc phối hợp, phân cấp quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, gồm: Cấm mốc lộ giới và cấm phạm vi đất đã thu hồi giải phóng mặt bằng; tổ chức giải tỏa; trách nhiệm phối hợp của các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trong việc quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa địa phương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến việc phối hợp, phân cấp quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 3. Yêu cầu của việc quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa địa phương

1. Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa tới các cấp, các ngành, các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội và toàn thể cán bộ, nhân dân trong tỉnh để mọi người hiểu và tự giác thực hiện.

2. Xây dựng kế hoạch thực hiện và trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc quản lý quy hoạch xây dựng và bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa; bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, đảm bảo an toàn giao thông.

Chương II CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ ĐẤT CỦA ĐƯỜNG BỘ, HÀNH LANG AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Cấm mốc lộ giới, cọc ranh phạm vi đất đã đền bù, đất công trên đường bộ

1. Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, lập đề

cương dự toán công tác cấm mốc lộ giới trên đường tỉnh, đường huyện (ngoài khu vực quy hoạch đô thị), cấm cọc ranh phạm vi đất đã đền bù trong hành lang an toàn đường bộ trên đường tỉnh, đường huyện thuộc phạm vi quản lý trình Ủy ban nhân tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hồ sơ dự toán công tác cấm mốc lộ giới trên đường tỉnh, đường huyện (ngoài khu vực quy hoạch đô thị), cấm cọc ranh phạm vi đất đã đền bù trong hành lang an toàn đường bộ trên đường tỉnh, đường huyện thuộc phạm vi quản lý, trên cơ sở đề cương dự toán được Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện.

3. Sau khi hoàn thành việc cấm mốc lộ giới, cấm cọc ranh phạm vi đất đã đền bù trong hành lang an toàn đường bộ trên đường tỉnh, đường huyện, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành bàn giao cho Cơ quan quản lý đường bộ và Ủy ban nhân dân cấp xã để tiếp nhận quản lý.

Điều 5. Tổ chức giải tỏa vi phạm trong phạm vi đã đền bù, đất công trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ

1. Xây dựng kế hoạch giải tỏa:

Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch giải tỏa cho từng tuyến đường thuộc phạm vi quản lý, nội dung kế hoạch gồm:

a) Xác định phạm vi giải tỏa: Trên cơ sở hồ sơ quản lý về đất đai trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan xác định tại thực địa phạm vi đất của tổ chức, cá nhân đã được đền bù giải phóng mặt bằng hoặc đất công; lập biên bản với từng tổ chức, cá nhân về phạm vi đất, vật kiến trúc, cây cối trên đất đã đền bù và đất công;

b) Thời gian giải tỏa;

c) Tuyên truyền vận động để các tổ chức, cá nhân tự tháo dỡ, di dời;

d) Tổ chức lực lượng giải tỏa các trường hợp cố tình vi phạm;

e) Kinh phí thực hiện.

2. Phê duyệt kế hoạch giải tỏa: Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch giải tỏa cho từng tuyến đường theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Triển khai kế hoạch giải tỏa:

a) Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức họp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để thống nhất thực hiện kế hoạch giải tỏa, phân rõ trách nhiệm và các bước tiến hành;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp với các tổ chức, cá nhân để thông báo kế hoạch giải tỏa.

4. Tuyên truyền, vận động để các tổ chức, cá nhân tự giác tháo dỡ:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào biên bản xác định phạm vi giải tỏa thông báo cho tổ chức, cá nhân để tự tháo dỡ vật kiến trúc, cây cối và bàn giao

lại phạm vi đất đã vi phạm cho cơ quan quản lý đường bộ, chính quyền địa phương đúng theo kế hoạch để quản lý.

b) Đài Truyền thanh huyện và Trạm truyền thanh các xã; các cơ quan đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền, vận động để tổ chức, cá nhân vi phạm tự giác tháo dỡ trả lại đất công.

5. Giải tỏa vi phạm:

a) Cơ quan quản lý đường bộ chịu trách nhiệm thống kê danh sách tổ chức, cá nhân chưa tự giác tháo dỡ, thông báo cho Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã để xây dựng kế hoạch giải tỏa chi tiết;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng kế hoạch giải tỏa đối với tổ chức, cá nhân cố tình vi phạm và tổ chức họp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để bố trí lực lượng, phân công giao nhiệm vụ, thời gian tiến hành và tổ chức thực hiện giải tỏa vi phạm thuộc địa bàn quản lý.

6. Hoàn thiện hồ sơ quản lý và bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý:

a) Cơ quan quản lý đường bộ cập nhật đầy đủ biên bản, lập hồ sơ của các tổ chức, cá nhân vi phạm phạm vi giải tỏa; lập bình đồ duỗi thẳng hành lang bảo vệ của tuyến đường;

b) Cơ quan quản lý đường bộ tiến hành bàn giao 01 bộ hồ sơ của các tổ chức, cá nhân vi phạm phạm vi giải tỏa và phạm vi đã giải tỏa xong, bình đồ duỗi thẳng hành lang bảo vệ của tuyến đường cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Chương III **CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ** **HÀNH LANG BẢO VỆ LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

Điều 6. Trong hành lang bảo vệ luồng, ngoài phần dành cho việc lắp đặt báo hiệu cho phép thực hiện các hoạt động sau đây, nhưng không làm ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động giao thông đường thủy nội địa

1. Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản.
2. Hạp chợ, làng chài, làng nghề.
3. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản và các hoạt động khác

1. Các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản và các hoạt động khác trong hành lang bảo vệ luồng phải có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Quy định này và phải thực hiện đầy đủ nội dung ghi trong văn bản chấp thuận.

2. Các phương tiện đánh bắt thủy sản lưu động, các hoạt động không được gây trở ngại cho giao thông đường thủy nội địa, không làm hư hại đến công trình giao thông.

3. Khi luồng chạy tàu, thuyền thay đổi vào các khu vực đánh bắt, nuôi trồng thủy sản thì chủ các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản phải di chuyển, thu hẹp hoặc dỡ bỏ theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường thủy nội địa có thẩm quyền.

4. Khi chấm dứt khai thác, chủ các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản phải thanh thải hết các chướng ngại vật.

Điều 8. Hợp chợ, làng chài, làng nghề

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện việc hợp chợ, làng chài, làng nghề trong hành lang bảo vệ luồng phải có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Quy định này và phải thực hiện đầy đủ nội dung ghi trong văn bản chấp thuận.

2. Khi triển khai thực hiện việc hợp chợ, làng chài, làng nghề không được gây trở ngại cho giao thông đường thủy nội địa, không làm hư hại đến công trình giao thông.

3. Khi chấm dứt hoạt động các tổ chức, cá nhân phải thanh thải hết các chướng ngại vật.

Điều 9. Quy định sử dụng tạm thời ngư cụ khai thác, đánh bắt thủy sản trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng

1. Văn bản chấp thuận: Kể từ ngày Quy định này có hiệu lực, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng các loại ngư cụ khai thác, đánh bắt thủy sản (*sau đây gọi tắt là ngư cụ*) phải có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Quy định này. Đối với ngư cụ tồn tại trước ngày Quy định này có hiệu lực, phải sắp xếp lại theo khoản 2 Điều này.

2. Phạm vi tồn tại của ngư cụ:

a) Ngư cụ chỉ được đặt ở những địa điểm do các cơ quan có thẩm quyền cấp văn bản chấp thuận nhưng không gây trở ngại cho giao thông đường thủy nội địa, không làm hư hại đến các công trình và thiết bị. Không được đặt ngư cụ (*đặc biệt là đáy neo*) trong phạm vi luồng tàu chạy, đảm bảo cho các phương tiện thủy lưu thông thuận lợi, an toàn;

b) Phạm vi tồn tại của ngư cụ: Các tuyến đường thủy nội địa như Phụ lục kèm theo Quy định này được phép tồn tại ngư cụ, các tuyến đường thủy nội địa còn lại không được phép tồn tại các ngư cụ;

c) Sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận vị trí đặt ngư cụ, tổ chức, cá nhân phải báo cho Cơ quan quản lý đường thủy nội địa đến kiểm tra và hướng dẫn vị trí đặt ngư cụ. Khi thay đổi vị trí đặt ngư cụ phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Khi không có nhu cầu sử dụng phải báo cơ quan quản lý để thu hồi giấy chấp thuận đặt ngư cụ và thực hiện thanh thải chướng ngại vật;

d) Hệ thống báo hiệu: Các ngư cụ đều phải có báo hiệu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông cho phép sử dụng hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa

Thực hiện theo quy định từ Điều 17 đến Điều 21 Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 05/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa.

Chương IV

PHỐI HỢP, PHÂN CẤP TRONG XỬ LÝ VI PHẠM ĐẤT CỦA ĐƯỜNG BỘ, HÀNH LANG AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 11. Phối hợp khi phát hiện vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa

1. Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý đường bộ và đường thủy nội địa, Thanh tra Sở Giao thông vận tải, chính quyền cấp xã và các cơ quan chức năng có liên quan thực hiện nhiệm vụ tuân tra, kiểm tra phát hiện; tin báo của các cơ quan khác, các phương tiện truyền thông và nhân dân; khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (*bằng các hình thức văn bản, điện thoại, fax, thư điện tử*) phát hiện hành vi vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa đều được xem là nguồn thông tin để phát hiện hành vi vi phạm.

2. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa, người đang thi hành nhiệm vụ, công vụ có trách nhiệm tuyên truyền, vận động, giải thích cho đối tượng vi phạm dừng ngay hành vi vi phạm, khôi phục lại hiện trạng ban đầu. Nếu đối tượng vi phạm không dừng hành vi vi phạm, người đang thi hành nhiệm vụ, công vụ nếu có đủ thẩm quyền thì lập biên bản vi phạm, nếu không đủ thẩm quyền thì báo ngay cho người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm đó.

3. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý đường bộ và đường thủy nội địa khi phát hiện hành vi vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa trên các tuyến đường bộ và đường thủy nội địa do Trung ương quản lý phải có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan quản lý đường bộ và đường thủy nội địa Trung ương trên địa bàn biết để xử lý.

Điều 12. Phân cấp, phối hợp trách nhiệm trong ngăn chặn hành vi vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa

1. Sau khi lập biên bản và buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa, nếu đối tượng vi phạm vẫn không chấp hành, Thanh tra Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm theo quy định pháp luật (*đối với hành vi phạm trên các tuyến đường bộ và đường thủy nội địa do tỉnh quản lý*); Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm theo quy định pháp luật (*đối với hành vi phạm trên các tuyến đường bộ và đường thủy nội địa địa phương còn lại*).

2. Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý đường bộ và đường thủy nội địa, Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành biên bản vi phạm hành chính của đối tượng vi phạm.

Điều 13. Phân cấp, phối hợp trách nhiệm trong xử lý vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa

1. Sau 24 (hai mươi bốn) giờ áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm đối với đối tượng vi phạm, nếu đối tượng vẫn tiếp tục hành vi vi phạm thì trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính, Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật (đối với hành vi phạm trên các tuyến đường bộ và đường thủy nội địa do tỉnh quản lý); Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật (đối với hành vi phạm trên các tuyến đường bộ và đường thủy nội địa địa phương còn lại).

2. Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo tình hình vi phạm của đối tượng vi phạm và quá trình xử lý vi phạm (kèm theo hồ sơ xử lý vi phạm) về Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xảy ra vi phạm để xin ý kiến chỉ đạo, đồng thời gửi báo cáo cho cơ quan quản lý đường bộ và đường thủy nội địa biết để phối hợp (khi cần thiết).

Điều 14. Phối hợp trách nhiệm trong cưỡng chế vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa

1. Sau khi tổng đạt quyết định xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với đối tượng vi phạm nhưng đối tượng vẫn cố tình không chấp hành, Thanh tra Sở Giao thông vận tải chủ trì (đối với hành vi vi phạm trên các tuyến đường bộ và đường thủy nội địa do tỉnh quản lý) hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì (đối với hành vi vi phạm trên các tuyến đường bộ và đường thủy nội địa địa phương còn lại), phối hợp với cơ quan chức năng có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để hoàn thiện hồ sơ, ban hành quyết định cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xảy ra vi phạm có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi cưỡng chế xong, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xảy ra vi phạm có trách nhiệm bàn giao trực tiếp hiện trạng mặt bằng cho cơ quan quản lý đường bộ và đường thủy nội địa, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; việc bàn giao thực hiện tại hiện trường và lập thành biên bản.

Điều 15. Nguồn kinh phí

Kinh phí cấm cọc mốc lộ giới, cọc ranh giải phóng mặt bằng, quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa và kinh phí thực hiện giải tỏa, cưỡng chế vi phạm trong phạm vi đất đã đền bù, đất công trong hành lang an toàn đường bộ do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định hiện hành.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các Sở, Ngành có liên quan

1. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

a) Lập kế hoạch, kinh phí thực hiện cấm mốc lộ giới, cọc ranh phạm vi đất đã đền bù trong hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường do tỉnh quản lý và gửi Sở Tài chính.

b) Tổ chức cấm mốc lộ giới, cọc ranh phạm vi đất đã đền bù trong hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường do tỉnh quản lý và bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã làm cơ sở theo dõi, quản lý.

c) Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác quản lý, lập kế hoạch và tổ chức giải tỏa vi phạm trên phạm vi đất đã đền bù giải phóng mặt bằng, đất công.

d) Chỉ đạo các đơn vị có liên quan thuộc Sở Giao thông vận tải chủ động, tham gia phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xử lý, cưỡng chế các trường hợp vi phạm về hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa; chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải:

- Tăng cường tuần tra, kiểm tra để phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa địa phương của tỉnh; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và bị xử lý theo quy định của pháp luật nếu để xảy ra tình trạng vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa thuộc trách nhiệm quản lý mà không xử lý;

- Tổng hợp, báo cáo tình hình xử lý vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa địa phương theo định kỳ hàng quý, năm và đột xuất.

e) Tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, xử lý vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa địa phương cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ hàng quý, năm và đột xuất.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Tăng cường trách nhiệm quản lý, hướng dẫn, chỉ đạo và phối hợp với địa phương quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất, không giao đất trong hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa cho tổ chức, cá nhân.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Cân đối, thẩm định, đề xuất kinh phí, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt dự toán thực hiện cấm mốc lộ giới, cọc ranh phạm vi đất đã đền bù trong hành lang an toàn đường bộ đối với đường tỉnh, đường huyện.

4. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Chỉ đạo các lực lượng chức năng chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc giải tỏa và xử lý cưỡng chế các trường hợp vi phạm về hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa.

5. Trách nhiệm của Ban An toàn giao thông tỉnh

Phối hợp với các cơ quan truyền thông, các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa.

6. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Bạc Liêu, Báo Bạc Liêu và các Sở, Ngành khác

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan và chỉ đạo bộ phận chức năng, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa.

2. Lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện cắm mốc lộ giới, cọc ranh phạm vi đất đã đền bù trong hành lang an toàn đường bộ đối với đường huyện và gửi Sở Tài chính.

3. Chỉ đạo, tổ chức cắm mốc lộ giới trên các tuyến đường huyện, bàn giao cho cơ quan quản lý đường bộ và Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

4. Chỉ đạo xử lý, cưỡng chế kịp thời các trường hợp vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền.

5. Chỉ đạo rà soát phạm vi giao đất cho các tổ chức, cá nhân trong hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa.

6. Chỉ đạo, lập kế hoạch tổ chức giải tỏa các vi phạm thuộc phạm vi đất đã đền bù giải phóng mặt bằng và đất công trên địa bàn.

7. Báo cáo tình hình quản lý, xử lý vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý cho Sở Giao thông vận tải theo định kỳ hàng quý, năm và đột xuất.

8. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và bị xử lý theo quy định của pháp luật nếu để xảy ra tình trạng vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa thuộc trách nhiệm quản lý mà không xử lý.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa.

2. Tiếp nhận và quản lý hệ thống mốc lộ giới và chỉ giới đường thủy nội địa trên các tuyến đường tỉnh, đường huyện thuộc địa bàn.

3. Quản lý, xử lý các vi phạm trong hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa theo thẩm quyền.

4. Thực hiện rà soát phạm vi giao đất cho các tổ chức, cá nhân; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý các trường hợp vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa.

5. Tổ chức giải tỏa các công trình, lều quán trong phạm vi đã đền bù giải phóng mặt bằng và đất công thuộc thẩm quyền.

6. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và bị xử lý theo quy định của pháp luật nếu để xảy ra tình trạng vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa thuộc trách nhiệm quản lý mà không xử lý.

Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ và đường thủy nội địa

1. Thường xuyên tăng cường kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi xâm phạm công trình đường bộ và đường thủy nội địa, các hành vi lấn chiếm và sử dụng trái phép đất của đường bộ và đường thủy nội địa; chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng trong công tác quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa, giải tỏa các trường hợp vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa.

2. Chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu để xảy ra vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý.

Điều 20. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sử dụng hành lang an toàn đường bộ

1. Lập hồ sơ đảm bảo an toàn giao thông và bảo vệ môi trường trình cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để cấp phép thi công sau khi có sự thống nhất với đơn vị quản lý dự án. Sau khi đã được cấp phép thi công, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ để nhận bàn giao mặt bằng và triển khai các bước tiếp theo; kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng thi công, tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm quản lý và đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn.

2. Cán bộ chỉ huy thi công của tổ chức, cá nhân phải thường xuyên có mặt tại hiện trường để giải quyết theo thẩm quyền hoặc phối hợp với chính quyền địa phương, đơn vị quản lý dự án, cơ quan quản lý đường bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác giải quyết kịp thời các sự cố làm giảm chất lượng công trình hoặc mất an toàn giao thông.

3. Triển khai công tác đảm bảo giao thông và bảo vệ môi trường trước khi thi công công trình; trong suốt quá trình thi công phải thực hiện đúng phương án, biện pháp, thời gian thi công đã được thống nhất và không được gây hư hại các công trình đường bộ hiện hữu; phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan

quản lý đường bộ và Thanh tra giao thông trong việc thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn giao thông, bảo vệ môi trường trong khi thi công theo quy định của giấy phép thi công và của pháp luật.

4. Khi thi công xong phải thu dọn rác thải, vật liệu thừa, thiết bị và các chướng ngại vật khác ra khỏi công trình và lập hồ sơ hoàn công kịp thời để bàn giao cho đơn vị quản lý; đồng thời, chịu trách nhiệm bảo hành công trình theo quy định.

5. Thực hiện đầy đủ, đúng nội dung hợp đồng đã ký kết và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sử dụng hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa

1. Nộp đủ lệ phí và các khoản thu khác (nếu có) theo quy định.

2. Trong quá trình thi công, chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công các công trình phải thực hiện đầy đủ phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa. Trường hợp phải thay đổi phương án thi công có ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường thủy nội địa khu vực thì chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công công trình phải lập lại hồ sơ trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận điều chỉnh phương án.

3. Trước khi sử dụng phải thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền biết để thực hiện việc quản lý, kiểm tra, giám sát trong quá trình sử dụng hành lang bảo vệ luồng.

Điều 22. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc thì đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, nghiên cứu thống nhất đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Như Nguyễn



PHỤ LỤC: PHẠM VI ĐƯỢC TỒN TẠI NGƯ CỤ TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẠC LIÊU

(Kèm theo Quyết định số: 23 /2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên tuyến	Địa danh		Chiều dài (km)	Cấp sông, kênh	Bề rộng luồng theo phân cấp (m)	Hành lang bảo vệ luồng (m)	Phạm vi cho phép tồn tại các ngư cụ	
		Điểm đầu	Điểm cuối					Cách tìm tuyến theo chiều ngang (m)	Khoảng cách tối thiểu giữa hai ngư cụ theo chiều dọc (m)
I	Các tuyến kênh chính trực dọc								
1	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh Sóc Trăng	Giáp ranh Cà Mau	46	III	40	10÷15	20	200
2	Kênh Cà Mau - Bạc Liêu	Giáp ranh Sóc Trăng	Giáp ranh Cà Mau	66,5	III	35	10÷15	17,5	200
II	Các tuyến kênh chính trực ngang								
A	Phía Bắc Quốc lộ 1A								
1	K. Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	K. Cà Mau - Bạc Liêu	Sg. Cái Tràu						
	- Đoạn : Cầu Sập - Ninh Quới	- K. Cà Mau - Bạc Liêu	- K. Quản Lộ - Phụng Hiệp	28	V	15	10	7,5	200
	- Đoạn: Ninh Quới - Ngan Dừa	- K. Quản Lộ - Phụng Hiệp	- Sg. Cái Tràu	15,5	IV	25	10÷15	12,5	200
2	Vinh Mỹ - Phước Long - Cộng Hòa	K. Cà Mau - Bạc Liêu	Sg. Cạnh Đèn	44	VI	10	10	5	200
3	Giá Rai - Phó Sinh - Cạnh Đèn	K. Cà Mau - Bạc Liêu	Sg. Cạnh Đèn						
	- Đoạn : Giá Rai - Phó Sinh	- K. Cà Mau - Bạc Liêu	- K. Quản Lộ - Phụng Hiệp	16,5	IV	25	10÷15	12,5	200
	- Đoạn: Phó Sinh - Cạnh đèn	- K. Quản Lộ - Phụng Hiệp	- Sg. Cạnh Đèn	16	V	15	10	7,5	200
4	Hộ Phòng - Chủ Chí - Chợ Hội	K. Cà Mau - Bạc Liêu	Giáp ranh Cà Mau						300
	- Đoạn : Hộ Phòng - Chủ Chí	- K. Cà Mau - Bạc Liêu	- K. Quản Lộ - Phụng Hiệp	13,8	III	35	10÷15	17,5	200
	- Đoạn: Chủ Chí - Chợ Hội	- K. Quản Lộ - Phụng Hiệp	- Giáp ranh Cà Mau	8,4	V	15	10	7,5	200
5	Láng Trâm	K. Cà Mau - Bạc Liêu	K. Quản Lộ - Phụng Hiệp	7,8	V	15	10	7,5	200
B	Phía Nam Quốc lộ 1A								
1	Xáng 30 tháng 4	K. Cà Mau - Bạc Liêu	Biển Đông	8,8	V	15	10	7,5	200
2	Chùa Phật	K. Cà Mau - Bạc Liêu	Biển Đông	9,5	VI	10	10	5	200
3	Cống Cái Cù	K. Cà Mau - Bạc Liêu	Biển Đông	13	V	15	10	7,5	200
4	Gành Hào - Hộ Phòng	K. Cà Mau - Bạc Liêu	Sg. Gành Hào	24	I	50	15÷20	25	200
5	Xáng Tắc Vân	K. Cà Mau - Bạc Liêu	Sg. Gành Hào	8,2	IV	30	10÷15	15	200
6	Sông Gành Hào	Giáp ranh Cà Mau	Cửa biển Gành Hào	25,2	III	40	10÷15	20	200
III	Các tuyến kênh phụ trợ								
A	Kết nối trực ngang								
1	Hòa Bình-Vinh Phú Đông-Vinh Lộc	K. Cà Mau - Bạc Liêu	Sg. Ngã Ba Cái Tàu	45,5	VI	10	10	5	200
2	Vinh Phong - Ninh Thạnh Lợi	K. Cà Mau - Bạc Liêu	Sg. Cạnh Đèn	41,2	VI	10	10	5	200

STT	Tên tuyến	Địa danh		Chiều dài (km)	Cấp sông, kênh	Bề rộng luồng theo phân cấp (m)	Hành lang bảo vệ luồng (m)	Phạm vi cho phép tồn tại các ngư cụ	
		Điểm đầu	Điểm cuối					Cách tim tuyến theo chiều ngang (m)	Khoảng cách tối thiểu giữa hai ngư cụ theo chiều dọc (m)
3	Phong Thạnh Tây	K. Quán Lộ-Phụng Hiệp	Sg. Cạnh Đèn	12,5	VI	10	10	5	200
4	Khúc Tréo	K. Cà Mau - Bạc Liêu	K. Quán Lộ-Phụng Hiệp	9,6	VI	10	10	5	200
5	Cây Gian	K. Cà Mau - Bạc Liêu	Biển Đông	16,5	VI	10	10	5	200
6	Cái Keo	K. Cà Mau - Bạc Liêu	Sg. Gành Hào	14,3	VI	10	10	5	200
B	Kết nối trực dọc								
1	Lộ xe	Sg. Ngã Ba Cái Tàu	Rạch Ngã ba Đình	6	VI	10	10	5	200
2	Kinh 6000	K. Ngan Dừa	Ranh Cà Mau	33,7	VI	10	10	5	200
3	Hưng Phú - Láng Trâm	K. Láng Trâm	K.Ninh Quới - Cầu Sập	40,7	VI	10	10	5	200
4	Trường Sơn - Gạch Cóc	Ranh Sóc Trăng	Sg. Gành Hào	55,7	VI	10	10	5	200